TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **11**/2022/LĐ-ST
Ngày: 23/3/2022
V/v Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê

2. Ông Nguyễn Đình Phúc

- Thư ký phiên toà: Bà Cao Thị Mỹ Trà - Thư ký Toà án nhân dân Quận 1.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 tham gia phiên toà: Bà Trần Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại phòng xử án Toà án nhân dân Quận 1, xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 185/2020/TLST-LĐ ngày 03 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 421/2022/QĐXXST-LĐ ngày 22 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Nhật T, sinh năm 1992
Địa chỉ: Số 307 đường NH, phường LA, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Phát triển Qùa tặng Quảng cáo B
Địa chỉ: Tầng 4, số 47, đường BP, phường Đ, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đặng Văn N và ông Lê Thanh H (Văn bản ủy quyền số 02/2021/GUQ-SHSG ngày 05/01/2021) (có mặt).

3. Người làm chứng:

3.1 Ông Nguyễn Ngọc T1, sinh năm 1989
Địa chỉ: Số 259/33F đường TT, Phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

3.2 Bà Phan Thị Hồng T2, sinh năm 1985
Địa chỉ: Số 50 đường ĐC, Phường M, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

3.3 Bà Trần Ngọc H, sinh năm 1996

Địa chỉ: Số 134 đường MX, Phường B, quận TB, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện; bản khai; biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Võ Nhật T trình bày:*

Ngày 17/5/2020, ông được Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B (sau đây gọi là Công ty) mời vào làm việc với vị trí công việc là nhân viên thiết kế với mức lương 10.000.000 đồng/tháng. Sau 02 tháng thử việc, ông chính thức làm việc tại Công ty với mức lương 11.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, ông và Công ty không ký hợp đồng lao động.

Vào ngày 30/5/2020, ông có xảy ra mâu thuẫn với giám đốc Công ty. Ngày 01/6/2020 khi ông đến Công ty làm việc thì giám đốc công ty không cho ông làm việc mà yêu cầu ông vào phòng họp và đề nghị ông nghỉ việc. Khi đó, tại phòng họp không có ai trong Công ty chứng kiến sự việc này và ông cũng không biết phải báo cáo việc này với ai hay cơ quan nào.

Vì lý do giám đốc đã đề nghị ông nghỉ việc nên khi kế toán Công ty hỏi ông có đi làm không thì ông trả lời là không và đề nghị Công ty chốt sổ bảo hiểm xã hội cho ông. Nay ông cũng không có nguyện vọng quay lại Công ty làm việc. Công ty đã giao cho ông sổ bảo hiểm xã hội.

Ông nhận thấy suốt quá trình làm việc ông luôn hoàn thành tốt công việc, không có bất kỳ vi phạm gì. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty:

+ Trả cho ông số tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 tương ứng là 9.720.000 đồng;

+ Bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái luật là: 24.000.000 đồng;

+ Bồi thường 02 tháng trợ cấp mất việc tương đương 02 tháng tiền lương là 24.000.000 đồng;

+ Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc là 13.080.000 đồng;

+ Trợ cấp thôi việc 01 tháng lương là: 12.000.000 đồng;

Tổng cộng là 82.800.000 đồng.

Ông yêu cầu thanh toán toàn bộ số tiền trên một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B ủy quyền cho ông Đặng Văn N và ông Lê Thanh H trình bày:*

Công ty xác nhận ông T có thử việc tại Công ty trong thời gian 02 tháng từ ngày 17/5/2018 đến ngày 17/7/2018), mức lương ông T được nhận là 4.500.000 đồng từ ngày 17/5/2018 đến ngày 01/01/2020. Từ ngày 02/01/2020 mức lương ông T được nhận tăng lên 4.800.000 đồng. Đây là mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Tuy nhiên, lương thử việc thực tế trong 02 tháng của ông T là 10.000.000 đồng. Từ ngày 01/8/2018 Công ty đã trả mức lương chính thức làm việc cho ông T là 11.000.000 đồng, bao gồm lương chính là 4.800.000 đồng và trợ cấp tiền cơm và xăng xe. Công ty có ký hợp đồng lao động với ông T và tham gia bảo hiểm cho ông T theo quy định pháp luật, cụ thể Công ty đã đóng bảo hiểm cho ông T từ tháng 5/2019 đến tháng 6/2020, tổng thời gian đã đóng là 01 năm 01 tháng. Tuy nhiên, hợp đồng lao động Công ty đã làm thất lạc nên không có để cung cấp theo yêu cầu của Tòa án.

Quá trình làm việc, đến ngày 01/6/2021 ông T tự ý nghỉ việc, Công ty đã liên hệ với ông T nhưng ông T khẳng định là không đến Công ty làm việc nữa và và đề nghị Công ty chốt sổ bảo hiểm xã hội cùng các chế độ chưa chi trả cho ông T.

Nay, đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Nhật T, Công ty TNHH Phát triển quà tặng quảng cáo B không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, vì Công ty hoàn toàn không chấm dứt hợp đồng trái pháp luật mà do ông T tự ý nghỉ việc.

Riêng đối với yêu cầu trả tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 tương ứng số tiền 9.720.000 đồng, Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B đồng ý đóng truy thu bảo hiểm xã hội cho ông T trong thời gian trên cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo mức lương làm căn cứ đóng của thời gian trên là 4.500.000 đồng/tháng.

** Tại bản khai, người làm chứng ông Nguyễn Ngọc T1 trình bày:*

Ông là nhân viên của Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B và ngồi chung phòng thiết kế với ông T. Ông thấy vào sáng ngày 30/5/2020 ông T tự ý bỏ công việc đi về. Ngày 01/6/2020 không thấy ông T đi làm, ông không rõ nguyên nhân. Vì lý do công việc ông xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án;

** Tại bản khai, người làm chứng bà Phan Thị Hồng T2 trình bày:*

Vào ngày 30/5/2020, khi bà đang ngồi làm việc thì thấy ông T có tranh luận lớn tiếng với đại diện pháp luật Công ty. Chi tiết vụ việc bà không nghe rõ nhưng sau đó bà thấy ông T bỏ đi về và bà cũng không thấy người nào của Công ty đuổi ông T về hay đề nghị ông T nghỉ việc. Sau ngày hôm đó, bà không thấy ông T đi làm.

** Tại bản khai, người làm chứng bà Trần Ngọc H trình bày:*

Sáng ngày 30/5/2020, bà thấy ông T bỏ việc đi về. Đến sáng ngày 01/6/2020 ông T không đi làm và buổi chiều có nhắn tin cho bà yêu cầu bà chốt sổ bảo hiểm xã hội. Ngày 05/6/2020 bà đã chi đủ lương thực lãnh cho ông T.

Ngày 04/7/2020, bà giao cho ông T sổ bảo hiểm xã hội. Sau thời gian bàn giao sổ bảo hiểm ông T có quay lại Công ty vài lần, nói chuyện lớn tiếng làm ảnh hưởng đến công việc của mọi người trong Công ty.

** Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 1 phát biểu ý kiến:*

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, tiến hành thủ tục cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng, thời hạn chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp nghiên cứu, thời gian mở phiên tòa, thành phần Hội đồng xét xử và nguyên tắc xét xử. Đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện từ ngày 17/5/2018 ông Võ Nhật T bắt đầu thử việc trong thời gian 02 tháng đến ngày 17/7/2018 tại Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B với mức lương 10.000.000 đồng/tháng. Hết thời gian thử việc nguyên đơn được bị đơn nhận vào làm việc. Bị đơn khai hai bên có giao kết hợp đồng lao động, mức lương theo hợp đồng lao động là 4.500.000 đồng/tháng và đây là mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội nhưng bị đơn trình bày đã làm thất lạc hợp đồng lao động nên không cung cấp được. Căn cứ xác minh của cơ quan Bảo hiểm xã hội Quận 1 cho thấy bị đơn có đóng bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn từ tháng 5/2019 đến hết tháng 5/2020 cho thấy giữa hai bên có xác lập quan hệ lao động.

Ông T cho rằng Công ty B đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật, tuy nhiên không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Bị đơn không thừa nhận và cho rằng không ban hành bất kỳ văn bản nào có nội dung chấm dứt quan hệ lao động với nguyên đơn. Vì vậy không có căn cứ cho rằng Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T. Do đó các yêu cầu của nguyên đơn về việc bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái luật 24.000.000 đồng; bồi thường 02 tháng trợ cấp mất việc tương đương 02 tháng tiền lương là 24.000.000 đồng; bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc là 13.080.000 đồng; trả trợ cấp thôi việc 01 tháng lương là: 12.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 nhận thấy sau khi kết thúc thời gian thử việc, bị đơn không giao kết hợp đồng lao động và đóng các khoản bảo hiểm cho nguyên đơn là trái quy định của pháp luật lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Vì vậy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và nguyên đơn phải đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 theo mức lương 4.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp lao động cá nhân người lao động với người sử dụng lao động. Bị đơn Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B có trụ sở tại Tầng 4 số 47, đường BP, phường Đ, Quận M. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về tư cách, sự có mặt, vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn ông Võ Nhật T, bị đơn Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B ủy quyền tham gia tố tụng cho các ông Đặng Văn N và Lê Thanh H, xét viêc ủy quyền là tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận tư cách các đương sự. Người làm chứng trong vụ án là các ông bà Nguyễn Ngọc T1, Phan Thị Hồng T2 và Trần Ngọc H sau khi có văn bản trình bày ý kiến đã có đơn xin vắng mặt tham gia tố tụng vì lý do công việc. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng.

[3] Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Võ Nhật T thử việc tại Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B (sau đây gọi là Công ty) từ ngày 17/5/2018 đến ngày 17/7/2018), mức lương 4.500.000 đồng từ ngày 17/5/2018 đến ngày 01/01/2020. Từ ngày 02/01/2020 mức lương ông T được nhận tăng lên 4.800.000 đồng. Đây là mức lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội tương ứng với từng giai đoạn làm việc cụ thể.

Tuy nhiên, lương thử việc thực tế trong 02 tháng của ông T là 10.000.000 đồng. Từ ngày 01/8/2018 Công ty đã trả mức lương chính thức làm việc cho ông T là 11.000.000 đồng, bao gồm lương chính là 4.800.000 đồng và trợ cấp tiền cơm và xăng xe.

Ông T cho rằng Công ty không giao kết hợp đồng lao động với ông, Công ty cho rằng hai bên có giao kết hợp đồng lao động nhưng đã thất lạc nên không thể cung cấp. Tuy nhiên hai bên đều xác nhận quan hệ lao động, thời gian làm việc. Do đó có cơ sở xác định nguyên đơn, bị đơn chính thức có quan hệ lao động từ sau thời gian thử việc là 18/8/2018 đến thời điểm ông T nghỉ việc là cuối tháng 5/2020.

Quá trình làm việc, ông T cho rằng Công ty đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông trái pháp luật tuy nhiên không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho lời trình bày của mình và thừa nhận không báo cáo sự việc cho ai hay cơ quan quản lý về lao động nào. Nội dung nguyên đơn trình bày không được bị đơn thừa nhận. Lời khai của những người làm chứng thể hiện việc ông T tự ý không tiếp tục đến làm việc và yêu cầu Công ty chốt và trả sổ bảo hiểm xã hội cũng như chi trả các chế độ còn lại cho ông T. Do đó không có

căn cứ cho rằng Công ty đã đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với ông T. Các yêu cầu của ông T về việc buộc Công ty bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái luật 24.000.000 đồng; Bồi thường 02 tháng trợ cấp mất việc 02 tháng tiền lương 24.000.000 đồng; Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc 13.080.000 đồng; Trợ cấp thôi việc 01 tháng lương 12.000.000 đồng là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải đóng tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 nhận thấy sau khi kết thúc thời gian thử việc, bị đơn không giao kết hợp đồng lao động và đóng các khoản bảo hiểm cho nguyên đơn là trái quy định của pháp luật lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Căn cứ công văn số 1526/BHXH ngày 28/7/2021 của Bảo hiểm xã hội Quận 1 cung cấp thời gian và mức lương đóng bảo hiểm xã hội cho ông Võ Nhật T có nội dung Công ty đóng bảo hiểm xã hội cho ông T thời gian từ tháng 5/2019 đến tháng 12/2019 theo mức lương 4.500.000 đồng/tháng; từ 01/2020 đến tháng 5/2020 theo mức lương 4.800.000 đồng/ tháng. Vì vậy có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn và nguyên đơn phải đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 theo mức lương 4.500.000 đồng/tháng.

[4] Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B và ông Võ Nhật T chấm dứt kể từ ngày 01/6/2022.

[5] Về án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí. Bị đơn phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 229; khoản 1 Điều 244; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 36, Điều 37, Điều 41, Điều 42 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty TNHH Phát triển quà tặng quảng cáo B có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc cho ông Võ Nhật T trong thời gian từ tháng tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 tại cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, mức lương làm cơ sở đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc là 4.500.000 đồng/tháng.

2. Ông Võ Nhật T có nghĩa vụ đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc trong thời gian từ tháng 8/2018 đến tháng 4/2019 tại cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội có thẩm quyền, mức lương làm cơ sở đóng các khoản bảo hiểm xã hội bắt buộc là 4.500.000 đồng/ tháng.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Võ Nhật T về việc buộc bị đơn Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B có trách nhiệm bồi thường 02 tháng tiền lương do chấm dứt hợp đồng lao động trái luật là 24.000.000 đồng; Bồi thường 02 tháng trợ cấp mất việc 02 tháng tiền lương là 24.000.000 đồng; Bồi thường tiền lương trong những ngày không được làm việc 13.080.000 đồng; Trợ cấp thôi việc 01 tháng lương là 12.000.000 đồng.

4. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B và ông Võ Nhật T chấm dứt từ ngày 01/6/2020.

5. Về án phí lao động sơ thẩm:

Công ty TNHH phát triển quà tặng quảng cáo B phải chịu án phí lao động sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng.

Ông Võ Nhật T không phải nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu Hiền